

Thứ hai, ngày 24 tháng 8 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên bứt phá, VN Index tiến gần đến mốc 870 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 25/8/2020		•	
Tuần 24/8-28/8/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex hôm nay bất ngờ tăng mạnh từ đầu phiên sáng và duy trì đà tăng đều trong suốt phiên giao dịch, đóng cửa ở mốc hơn 868 điểm, tăng gần 14 điểm so với phiên trước. Dòng tiền đầu tư duy trì trạng thái tích cực khi có 18/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại đã có phiên bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường tiếp tục tăng so với phiên hôm trước, độ rộng thị trường tiếp tục ở trạng thái tích cực với 332 mã tăng điểm. Việc một Quý của Đài Loan huy động gần 4000 tỷ đồng để đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam có thể đã tác động phần nào đến các nhà giao dịch, giúp VNIndex có 1 phiên bứt phá. Theo đánh giá của chúng tôi, chỉ số VN Index sẽ có thể duy trì đà tăng ngắn hạn trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL đều tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 24/8/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Stay-at-home_3.6%**

Phân tích kỹ thuật: BVH_Tăng giá ngắn hạn (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+13.9** điểm, đóng cửa **868.68**. HNX-Index **+0.52** điểm, đóng cửa **123.16**.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+2.85); VCB (+1.06); VPB (+0.94); BID (+0.81); PLX (+0.69)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HNG (-0.06); DAT (-0.05); PDR (-0.05); PME (-0.03); SVC (-0.02)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **5,730** tỷ đồng, **+28.39%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 8.33 điểm. Thị trường có **332** mã tăng, 44 mã tham chiếu và **84** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-396.16** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-96 tỷ), HPG (-81.1 tỷ) và VHM (-56 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-7.04** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **868.68**
Giá trị: 5730.54 tỷ **13.9 (1.63%)**
Khối ngoại (ròng): -396.16 tỷ

HNX-INDEX **123.16**
Giá trị: 467.76 tỷ **0.52 (0.42%)**
Khối ngoại (ròng): -7.04 tỷ

UPCOM-INDEX **57.98**
Giá trị: 0.52 tỷ **0.59 (1.03%)**
Khối ngoại (ròng): -9.68 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	42.7	0.78%
Giá vàng	1,949	0.44%
Tỷ giá USD/VND	23,178	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,384	-0.62%
Tỷ giá JPY/VND	21,903	0.01%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	22.13%
LS TPCP 5 năm	1.8%	0.34%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
E1VFN30	13.9	VNM	-96.0
DGW	12.2	HPG	-81.1
KSB	8.6	VHM	-56.0
PLX	7.6	VRE	-48.7
KDC	6.5	VCB	-29.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Stay-at-home_3.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	14/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Stay-at-home	3.6%	3.6%	15.7%	11.2%	11.2%	16.4%	37.1%
Hàng tiêu dùng	3.1%	3.1%	12.9%	7.8%	7.8%	-1.1%	32.0%
Dầu khí	2.9%	2.9%	14.8%	4.0%	4.0%	-20.5%	42.5%
Lãi suất giảm	2.7%	2.7%	17.5%	13.2%	13.2%	9.7%	35.0%
VN Diamond	2.7%	2.7%	11.9%	6.8%	6.8%	-12.2%	33.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	2.7%	2.7%	11.3%	7.7%	7.7%	10.1%	23.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	2.7%	2.7%	13.2%	8.0%	8.0%	-13.3%	35.4%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.6%	2.6%	10.8%	6.0%	6.0%	-5.7%	34.3%
VN FinSelect	2.6%	2.6%	10.6%	5.6%	5.6%	-5.8%	32.4%
Đầu tư công	2.4%	2.4%	17.6%	14.2%	14.2%	7.7%	32.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	2.2%	2.2%	13.1%	8.9%	8.9%	-7.9%	32.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	2.1%	2.1%	10.9%	8.4%	8.4%	-3.7%	29.9%
Ngân Hàng	1.9%	1.9%	14.6%	11.4%	11.4%	1.7%	36.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.6%	1.6%	12.0%	6.6%	6.6%	0.1%	32.8%
Nước & Năng lượng	1.5%	1.5%	10.5%	11.3%	11.3%	0.1%	28.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.5%	1.5%	6.9%	4.8%	4.8%	-9.3%	27.4%
Cổ phiếu ngành Dược	1.5%	1.5%	8.0%	15.4%	15.4%	5.7%	23.7%
FTSE Việt Nam	1.5%	1.5%	6.0%	4.1%	4.1%	-7.1%	27.5%
Vật liệu Xây dựng	1.4%	1.4%	14.8%	11.7%	11.7%	9.1%	30.9%
Corona Avengers	1.2%	1.2%	13.5%	6.9%	6.9%	3.0%	39.2%
Xây dựng	1.1%	1.1%	15.4%	12.6%	12.6%	4.1%	33.0%
Chiến tranh thương mại	1.1%	1.1%	16.6%	12.1%	12.1%	-3.0%	33.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.9%	0.9%	9.5%	8.1%	8.1%	-5.2%	30.8%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.4%	0.4%	12.3%	11.1%	11.1%	-1.7%	27.1%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.4%	0.4%	16.3%	18.4%	18.4%	19.3%	33.8%

Mục tiêu	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S32	2.8%	2.8%	12.8%	6.6%	6.6%	-13.7%	36.8%
M22	2.1%	2.1%	11.1%	7.7%	7.7%	2.0%	28.5%
M12	2.1%	2.1%	11.8%	6.9%	6.9%	-4.7%	28.1%
L32	2.0%	2.0%	11.8%	7.0%	7.0%	-13.6%	33.8%
S11	1.9%	1.9%	11.7%	9.6%	9.6%	8.8%	28.5%
M31	1.5%	1.5%	12.5%	8.5%	8.5%	-5.8%	33.6%
L22	1.5%	1.5%	12.9%	7.6%	7.6%	-8.7%	30.6%
L11	1.3%	1.3%	11.2%	7.2%	7.2%	-4.8%	27.1%
S21	1.3%	1.3%	13.6%	9.4%	9.4%	-5.4%	30.5%

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	2.0%	2.0%	10.7%	6.0%	6.0%	-8.0%	31.2%
MID1	1.9%	1.9%	12.4%	11.2%	11.2%	7.3%	28.2%
LOW1	1.5%	1.5%	10.6%	4.9%	4.9%	-5.9%	28.3%

INDEX							
VNINDEX	1.6%	1.6%	8.8%	5.3%	5.3%	-9.6%	26.9%
VN30INDEX	2.0%	2.0%	9.3%	5.1%	5.1%	-7.9%	28.2%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	14	11	14	11	22	3
Mục tiêu	9	5	4	5	4	9	0
Rủi ro	3	2	1	2	1	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

https://invest.bsc.com.vn/#/login

Vũ Quốc Khánh

khanhvuq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 24/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	42.68	-0.49%	0.00%	4.30%	-18.94%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	45.15	-0.68%	-0.60%	3.90%	-21.19%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	126.20	-1.64%	1.50%	4.00%	-21.40%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1990.80	-0.58%	3.90%	9.50%	30.18%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	27.66	-0.04%	8.40%	38.90%	49.76%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	911.50	-0.25%	3.20%	1.30%	-1.78%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	520.00	0.48%	4.00%	-1.70%	3.02%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.84	-0.05%	2.30%	-11.80%	16.43%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	167.43	-0.30%	4.60%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.89	-1.30%	1.20%	9.90%	-0.92%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	121.05	3.07%	6.60%	15.50%	11.82%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6567.50	1.88%	2.80%	1.90%	15.00%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	552.47	-0.36%	1.00%	3.70%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1773.50	1.00%	-0.70%	6.70%	-0.48%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	123.45	0.59%	4.50%	16.60%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	52.15	-0.10%	-1.20%	-9.80%	-29.86%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent tăng 32 US cent, hay 0.7%, lên 44.67 USD/thùng. Dầu thô WTI tăng 31 US cent, hay 0.7%, lên 42.65 USD/thùng. Dầu tăng chủ yếu bởi cơn bão Laura và lốc xoáy Marco buộc các giếng khoan thuộc vịnh Mexico phải giảm một nửa sản lượng, tương đương 1 triệu thùng/ngày.

Giá vàng

• Vàng giao ngay giảm 0.4% xuống 1,932.48 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12 giảm 0.2% xuống 1,942.60 USD/ounce. Vàng giảm nhẹ chủ yếu bởi cơ quan quản lý thực phẩm và dược liệu Hoa Kỳ (FDA) cho phép sử dụng huyết tương của các bệnh nhân phục hồi Covid-19 như một lựa chọn trong điều trị bệnh này. Các nhà đầu tư tỏ ra thận trọng trước bài phát biểu của Chủ tịch FED Jerome Powell tại Jackson Hole vào thứ năm này.

	24/8	% 24/8	21/8	% 21/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	868.68	1.63%	854.78	0.77%	2.18%	1.39%
S&P 500			3397.16	0.34%	0.72%	3.70%
HĐTL S&P500	3416.00	0.69%	3392.50	0.35%	1.07%	5.84%
Shang- hai	3385.64	0.15%	3380.68	0.50%	-1.55%	1.82%
Euro Stoxx	3319.38	1.83%	3259.75	-0.43%	0.41%	-1.55%

Phân tích kỹ thuật

BVH_Tăng giá ngắn hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: BVH đang ở trong xu hướng tăng giá ngắn hạn sau khi biến động quanh vùng giá 44-47 trong khoảng 03 tuần trở lại đây. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn đang duy trì giá trị ổn định. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, các đường EMA vừa xuất hiện Golden Cross, trong khi đó chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể duy xu hướng tăng trong thời gian tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của BVH nằm tại khu vực 45.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 50-50.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 44.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

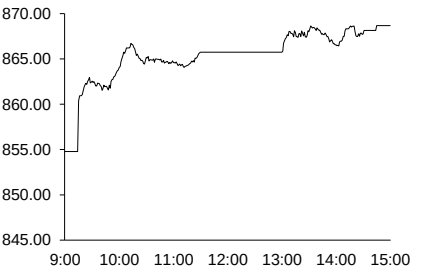
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	-0.03%
Viễn thông	0.00%
Truyền thông	0.31%
Du lịch và Giải trí	0.56%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.72%
Thực phẩm và đồ uống	1.16%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.18%
Xây dựng và Vật liệu	1.22%
Tài nguyên Cơ bản	1.61%
Hóa chất	1.61%
Bất động sản	1.65%
Bảo hiểm	1.71%
Ngân hàng	1.73%
Dịch vụ tài chính	1.78%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.93%
Công nghệ Thông tin	1.97%
Y tế	2.18%
Bán lẻ	2.67%
Dầu khí	3.87%

Hình 1

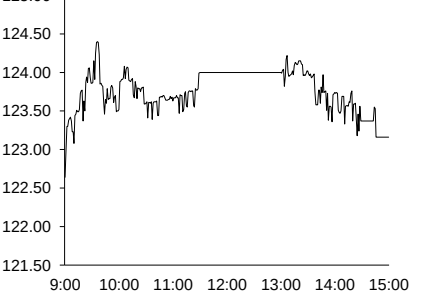
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/21/2020	GVR	11.85	13	11.4	11.95	3	0.84%	Có thể tiếp tục mua
8/20/2020	SHB	13.4	15.4	12.6	13.7	4	2.24%	Có thể tiếp tục mua
8/19/2020	TCB	20.2	21.5	19.2	20.95	5	3.71%	Có thể tiếp tục mua
8/18/2020	MBB	17	18	16.2	17.8	6	4.71%	Cần nhắc không mua thêm (**)
8/17/2020	VTP	138.6	166.6	131.6	141.1	7	1.80%	Có thể tiếp tục mua
8/12/2020	GAS	71.2	76	69.5	73	12	2.53%	Có thể tiếp tục mua
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	21	13	7.42%	Có thể tiếp tục mua
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.7	14	-1.58%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/6/2020	LCG	8.28	11.2	7.4	9.03	18	9.06%	Có thể tiếp tục mua
8/4/2020	HVN	23.05	27	21.5	24.45	20	6.07%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2020	CTD	70.1	85	66	79.9	21	13.98%	Có thể tiếp tục mua
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	33.15	25	7.28%	Có thể tiếp tục mua
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	14	26	18.64%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	12.95	54	1.17%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	31.1	61	1.34%	Có thể tiếp tục mua
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	24.8	67	13.09%	Có thể tiếp tục mua
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	80	69	6.81%	Có thể tiếp tục mua
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	38.6	80	3.76%	Có thể tiếp tục mua

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

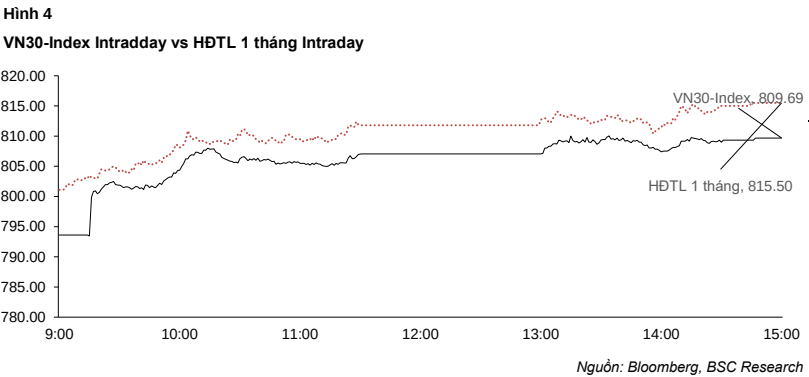
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/14/2020	DVN	12.3	13.9	11.5	TP	4	13.01%
8/13/2020	PLX	46.6	48.3	44.6	TP	11	3.65%
8/7/2020	C32	22.97	24.72	21.78	TP	17	7.62%
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%
7/31/2020	SNZ	25	27.5	22.5	TP	6	10.00%
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	TP	4	8.47%
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	SL	4	-9.77%
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	SL	5	-8.68%
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	SL	10	-11.76%
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	SL	4	-3.57%
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	SL	7	-8.00%
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	SL	8	-6.47%
7/15/2020	FRT	25.4	29	21.5	SL	12	-15.35%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	17	1	6.14%	-1.58%	5.72%	28
Cổ phiếu đã chốt	16	22	10.84%	-8.34%	-0.26%	14

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2009	786.10	-0.87%	-23.59	7.6%	147,705	9/17/2020	26
VN30F2010	811.00	2.85%	1.31	0.8%	476	10/15/2020	54
VN30F2012	806.10	2.83%	-3.59	130.3%	175	12/17/2020	117
VN30F2103	806.40	2.86%	-3.29	74.4%	68	3/18/2021	208

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 16.09 điểm lên mức 809.69 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, TCB, VIC, HPG và MBB tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 tăng dần từ đầu phiên sáng đến cuối phiên chiều. VN30 có thể sẽ hướng tới mốc 820 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Tất cả các HĐTL đều tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, hầu hết các hợp đồng đều tăng, ngoại trừ VN30F2009. Xét về vị thế mở, VN30F2009 và VN30F2010 tăng trong khi VN30F2012 và VN30F2103 giảm. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường trong thời gian tới của các hợp đồng tương lai. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2007	10/29/2020	66	3:1	208,320	46.81%	1,700	1,210	44.05%	1,142	1.06	25,900	22,500	23,200
CMBB2003	11/9/2020	77	3:1	388,240	36.80%	2,000	1,400	22.81%	1,189	1.18	20,000	18,000	17,800
CSTB2003	9/16/2020	23	1:1	394,860	43.52%	1,360	740	21.31%	607	1.22	12,471	11,111	11,300
CHDB2006	10/8/2020	45	2:1	199,860	41.08%	2,180	2,200	18.92%	1,993	1.10	29,060	24,700	28,200
CHDB2003	12/16/2020	114	2:1	425,540	41.08%	2,700	1,000	14.94%	673	1.49	37,523	32,123	28,200
CSTB2004	11/30/2020	98	1:1	319,180	43.52%	1,400	1,240	14.81%	1,230	1.01	12,400	11,000	11,300
CMWG2008	10/29/2020	66	10:1	439,600	41.13%	1,300	710	14.52%	578	1.23	98,000	85,000	84,100
CFPT2007	10/23/2020	60	5:1	153,980	32.94%	1,690	1,520	12.59%	1,188	1.28	51,950	43,500	48,450
CDPM2002	12/16/2020	114	1:1	184,240	42.88%	1,700	3,220	12.59%	1,920	1.68	16,952	15,252	15,850
CMWG2009	10/23/2020	60	8:1	418,800	41.13%	1,600	990	12.50%	872	1.14	94,800	82,000	84,100
CFPT2003	11/9/2020	77	1:1	118,850	32.94%	7,300	9,980	10.77%	2,457	4.06	57,300	50,000	48,450
CHPG2006	9/16/2020	23	2:1	137,520	38.59%	1,500	4,170	7.20%	1,479	2.82	25,022	22,022	24,800
CHPG2012	1/18/2021	147	1:1	51,480	38.59%	6,100	6,180	6.55%	1,922	3.22	32,600	26,500	24,800
CHPG2009	10/29/2020	66	2:1	140,530	38.59%	1,600	4,070	6.54%	1,548	2.63	25,700	22,500	24,800
CHPG2014	4/19/2021	238	1:1	40,940	38.59%	7,200	7,280	5.51%	2,700	2.70	33,700	26,500	24,800
CHPG2011	10/20/2020	57	2:1	311,840	38.59%	2,350	2,920	5.42%	705	4.14	29,900	25,200	24,800
CVRE2006	10/29/2020	66	4:1	529,670	45.34%	1,100	1,230	4.24%	1,153	1.07	27,400	23,000	26,900
CVNM2002	12/16/2020	114	5:1	272,210	33.46%	3,200	790	3.95%	438	1.80	155,285	139,285	116,500
CREE2004	10/23/2020	60	3:1	130,100	28.80%	1,570	2,410	3.88%	2,246	1.07	34,210	29,500	35,950
CSTB2002	12/16/2020	114	1:1	348,140	43.52%	1,700	1,240	-3.88%	919	1.35	13,588	11,888	11,300
Tổng				4,865,760	39.18%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 24/8/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CVPB2006 và CVPB2008 tăng mạnh lần lượt là 43.94%, và 28.47%. Trái lại, CVHM2006 và CMWG2005 giảm mạnh lần lượt là -14.29% và -8.47%. Giá trị giao dịch tăng 58.14%. CFPT2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.38% thị trường.
- CVPB2006, CSTB2004, CVRE2005, CVPB2007, và CVPB2008 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2005, CVHM2002, và CVNM2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	84.1	2.6%	1.2	1,656	3.9	8,348	10.1	2.7	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	58.6	4.1%	1.3	574	3.5	4,629	12.7	2.8	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	46.9	2.3%	1.4	1,514	1.9	1,640	28.6	1.8	28.2%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.4	0.0%	0.4	325	0.1	2,651	12.6	1.1	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	89.0	3.4%	0.8	13,089	4.0	2,255	39.5	3.7	13.8%	9.3%
VRE	Bất động sản	26.9	1.5%	1.1	2,658	5.9	1,057	25.5	2.2	30.7%	8.9%
VHM	Bất động sản	80.0	0.6%	1.3	11,442	5.1	6,784	11.8	3.8	20.7%	37.0%
DXG	Bất động sản	9.5	2.8%	1.3	214	2.3	658	14.4	0.8	36.8%	2.9%
SSI	Chứng khoán	15.0	2.0%	1.3	392	4.6	1,718	8.7	0.9	48.8%	10.7%
VCI	Chứng khoán	23.6	2.2%	1.0	169	0.7	4,110	5.7	1.0	29.0%	18.7%
HCM	Chứng khoán	18.4	1.9%	1.7	244	3.0	1,608	11.4	1.3	50.8%	11.5%
FPT	Công nghệ	48.5	2.2%	0.8	1,651	7.4	4,280	11.3	2.5	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	48.7	2.5%	0.4	579	0.1	4,812	10.1	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	73.0	1.4%	1.4	6,075	2.0	5,169	14.1	2.7	3.3%	20.5%
PLX	Dầu khí	48.5	4.2%	1.5	2,543	2.1	441	110.0	3.0	14.7%	3.2%
PVS	Dầu khí	12.4	1.6%	1.5	258	3.0	1,301	9.5	0.5	11.0%	5.0%
BSR	Dầu khí	6.5	0.0%	0.8	876	0.7	898	7.2	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	104.8	5.9%	0.5	596	0.1	5,044	20.8	4.3	54.7%	21.2%
DPM	Hóa chất	15.9	2.9%	0.4	270	4.3	1,586	10.0	0.8	11.2%	8.9%
DCM	Hóa chất	9.2	1.4%	0.5	211	1.2	709	12.9	0.8	1.8%	5.8%
VCB	Ngân hàng	83.9	1.2%	1.1	13,529	5.6	4,915	17.1	3.5	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	39.7	1.8%	1.3	6,934	1.6	2,132	18.6	2.1	17.7%	12.3%
CTG	Ngân hàng	24.4	0.4%	1.2	3,950	4.7	2,995	8.1	1.1	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	23.2	5.9%	1.2	2,459	7.2	4,126	5.6	1.2	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	17.8	2.9%	1.0	1,866	6.4	3,497	5.1	1.0	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	21.0	-0.9%	1.0	1,974	6.3	2,884	7.3	1.5	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	57.8	1.0%	0.9	206	0.5	5,760	10.0	1.8	82.8%	18.9%
NTP	Nhựa	30.5	2.0%	0.4	156	0.0	3,348	9.1	1.4	18.8%	16.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	0.0%	0.3	645	0.0	356	42.1	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	24.8	1.8%	1.2	3,573	15.0	2,632	9.4	1.6	42.9%	18.1%
HSG	Thép	11.8	1.3%	1.6	228	4.6	1,767	6.7	0.9	10.2%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	116.5	0.8%	0.8	8,820	7.7	5,538	21.0	6.7	58.7%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	183.0	1.9%	0.8	5,102	0.8	6,328	28.9	6.4	63.2%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	53.6	1.9%	1.0	2,738	4.0	3,255	16.5	2.7	38.6%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	14.3	1.4%	0.8	365	2.3	561	25.5	1.2	5.6%	5.1%
ACV	Vận tải	55.2	0.2%	0.8	5,225	0.3	3,450	16.0	3.3	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	100.0	0.4%	1.1	2,278	2.3	3,465	28.9	3.5	17.8%	12.4%
HVN	Vận tải	24.5	1.0%	1.7	1,508	0.7	(3,853)	N/A	N/A	9.2%	-38.4%
GMD	Vận tải	23.0	0.2%	0.9	297	0.7	1,377	16.7	1.1	49.0%	6.7%
PVT	Vận tải	11.0	0.9%	1.2	135	1.1	2,007	5.5	0.7	21.9%	13.8%
VCS	Vật liệu xây dựng	65.0	2.2%	1.0	439	1.0	8,219	7.9	3.1	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	22.4	1.1%	0.8	436	0.5	1,362	16.4	1.5	9.3%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.9	1.7%	1.0	246	0.6	1,937	7.7	1.0	6.1%	13.5%
CTD	Xây dựng	79.9	2.3%	1.1	265	3.2	8,467	9.4	0.7	46.8%	7.9%
CII	Xây dựng	18.4	2.5%	0.3	191	1.7	1,615	11.4	0.8	35.8%	8.0%
REE	Điện	36.0	1.0%	-1.4	485	0.8	4,780	7.5	1.1	49.0%	14.8%
PC1	Điện	19.3	2.4%	-0.4	134	0.5	2,178	8.9	0.8	16.6%	9.9%
POW	Điện	10.1	0.5%	0.6	1,028	1.6	925	10.9	0.8	11.3%	8.0%
NT2	Điện	22.8	0.7%	0.6	285	0.2	2,685	8.5	1.4	18.5%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	13.9	0.7%	0.9	284	1.0	1,242	11.2	0.7	20.7%	6.2%
BCM	Khu công nghiệp	30.1	0%	0.9	1,355	0.1	2,332	12.9	2.1	2.1%	17.7%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	89.00	3.37	2.80	1.05MLN
VCB	83.90	1.21	1.06	1.53MLN
VPB	23.20	5.94	0.91	7.22MLN
BID	39.65	1.80	0.80	940780
PLX	48.50	4.19	0.72	1.04MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
HNG	0.00	-0.06	1.55MLN	1.11MLN
DAT	-0.01	-0.05	290	607060
PDR	0.00	-0.05	833160.00	373600
PME	0.00	-0.03	295110.00	192700
SVC	-0.01	-0.03	1200	611640

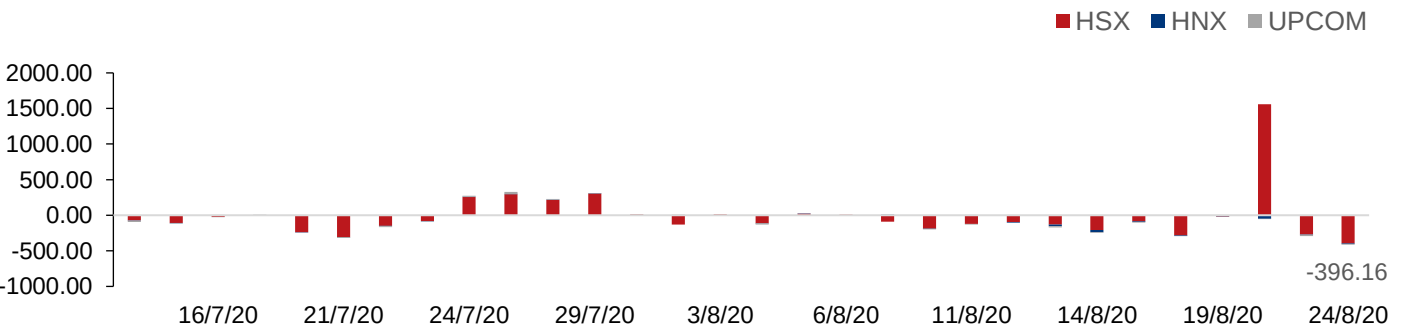
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PNC	9.95	6.99	0.00	15130.00
TDH	7.66	6.98	0.01	4.22MLN
TAC	45.20	6.98	0.03	14580
VAF	11.50	6.98	0.01	10
DGW	49.10	6.97	0.04	1.08MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HOT	39.40	-6.97	-0.01	180
DAT	55.70	-6.86	-0.05	290
BRC	10.65	-6.58	0.00	1250.00
DHM	7.30	-6.29	0.00	2770
NVT	4.50	-6.05	-0.01	20360

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	27.4	3,314	8.3	1.3	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.2	4,126	5.6	1.2	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	48.6	9,642	5.0	1.4	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	53.6	3,255	16.5	2.7	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	36.2	4,666	7.7	1.5	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	11.8	1,767	6.7	0.9	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.7	5,479	8.0	2.2	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	27.8	1,902	14.6	2.3	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	24.8	2,632	9.4	1.6	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	21.0	3,103	6.8	1.1	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	58.6	4,629	12.7	2.8	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	141.1	5,718	24.7	8.7	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	9.5	658	14.4	0.8	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	20.4	1,721	11.9	1.2	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	22.8	7,132	3.2	1.3	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	22.4	5,227	4.3	1.0	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	49.1	4,739	10.4	2.1	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	83.9	4,915	17.1	3.5	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	21.0	2,884	7.3	1.5	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	38.6	5,465	7.1	1.3	Click
21	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.5	5,872	10.0	2.6	Click
22	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	48.5	4,280	11.3	2.5	Click
23	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.0	1,377	16.7	1.1	Click
24	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.9	1,242	11.2	0.7	Click
25	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	183.0	6,328	28.9	6.4	Click
26	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	23.9	1,943	12.3	1.7	Click
27	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	116.5	5,538	21.0	6.7	Click
28	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.4	1,407	8.8	0.7	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	84.1	8,348	10.1	2.7	Click
30	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	16.8	2,088	8.0	1.2	Click
31	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	104.8	5,044	20.8	4.3	Click
32	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	11.0	2,007	5.5	0.7	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	58.6	4,629	12.7	2.8	Click
34	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	33.6	4,313	7.8	1.6	Click
35	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	213.5	14,782	14.4	5.9	Click
36	PVD	Dầu khí	Theo dõi	13/12/19	14.7	18.9	10.8	0	19.4	0.3	Click
37	TDT	Dệt may	Theo dõi	9/12/19	11.4	N/a	9.4	1,761	5.3	0.8	Click
38	PC1	Điện	Mua mạnh	2/10/19	20.0	29.1	19.3	2,178	8.9	0.8	Click
39	VGI	Viễn thông	Theo dõi	12/11/19	31.4	N/a	27.6	-218	#N/A N/A	2.9	Click
40	TRC	Cao su	Theo dõi	26/9/19	37.0	N/a	31.1	2,986	10.4	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
7	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
8	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
10	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
11	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
12	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
15	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
16	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
17	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
21	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
22	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
23	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
25	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
26	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
28	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
29	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
30	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
32	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
36	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
38	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
39	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
40	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VNM 2020Q3	7/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 125100 ; Giá tại Publish 114800 Định giá: BSC khuyến nghị Theo dõi VNM với giá mục tiêu là 125,100 đồng , upside 9% so với giá đóng cửa 06/08/2020 là 114,800 vnd/cp. Định giá dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 21x.
Express PLC 2020Q3	6/8/20	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 21500 ; Giá tại Publish 17200 Cập nhật KQKD: Trong Q2/2020, PLC đã ghi nhận DTT và LNST lần lượt ở mức 1,188 tỷ VND (-22% yoy) và 57 tỷ VND (+46% yoy). Về doanh thu, mảng dầu mỡ nhờn +3.8% yoy, mảng nhựa đường +15.5% yoy. Trong thời gian tới, PLC có nhiều dự án được kỳ vọng sẽ đóng góp thêm vào mảng nhựa đường như (1) Cam Lộ La Sơn, (2) Trung Lương Mỹ Thuận, (3) Bến Lức Long Thành và 2 dự án sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất. Dự báo KQKD: Dự kiến: doanh thu đạt 95% kế hoạch và lợi nhuận đạt 100% kế hoạch, tương ứng DT đạt 1,663 tỷ (+18.5% YoY) và LNTT đạt 260 tỷ (+28% YoY).
Express IMP 2020Q3	28/7/20	Cập nhật KQKD Trong Q2, T4 và T5 giảm nhẹ, T6 phục hồi trở lại (+ 198% YoY). Tuy nhiên, diễn biến dịch tại Đà Nẵng khiến tình hình kém khả quan hơn (do người dân sợ đến bệnh viện).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức
Vũ Thanh Phong

Chức vụ
Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email
phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
Bùi Huy Hiệp

Chức vụ
Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email
hiepbh@bsc.com.vn